

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

Số: **29** /2025/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày **09** tháng **12** năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 60/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT và Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Xét Tờ trình số 383/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số 228/BC-BVHXH ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025;

b) Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025 kèm theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai;

c) Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025 kèm theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai;

d) Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025;

đ) Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái;

e) Nghị quyết số 135/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 và Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái;

g) Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định một số chính sách hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2022-2025;

h) Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định chế độ hỗ trợ đối với công chức làm việc tại trung tâm hành chính công tỉnh và bộ phận tiếp nhận, trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Số thứ tự 14,15,16 Mục II.1 Phụ lục I; Số thứ tự 1,14,15 Mục II.2 Phụ lục I; Số thứ tự 1,3 Mục II.1 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tiếp tục thực hiện, bãi bỏ một phần, bãi bỏ toàn bộ một số nghị quyết quy định về chính sách chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

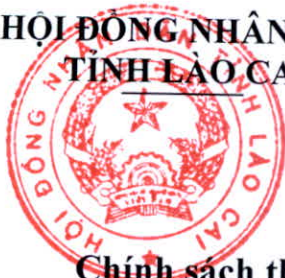
Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH



Trịnh Việt Hùng



QUY ĐỊNH

**Chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực
trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **19** /2025/NQ-HĐND
ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, đãi ngộ được thực hiện đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã trên cơ sở nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế của cơ quan, đơn vị phù hợp với mục tiêu chung của tỉnh.
2. Chỉ thực hiện chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo đối với người học các chuyên ngành thuộc các lĩnh vực trong danh mục cần thu hút, hỗ trợ đào tạo do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định (gồm cả các lĩnh vực của các cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội).
3. Trường hợp người được thu hút có nhiều bằng cấp chuyên môn thì chỉ được hưởng chính sách thu hút đối với bằng cấp cao nhất; người có đủ điều kiện hưởng nhiều mức hỗ trợ đào tạo, đãi ngộ cùng loại, chỉ áp dụng mức hỗ trợ, đãi ngộ cao nhất. Đối tượng đã được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo tại Quy định này thì không được hưởng chính sách thu hút.
4. Trường hợp không được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo tại Quy định này bao gồm: Cán bộ, công chức, viên chức tự đi đào tạo nâng cao trình độ hoặc đào tạo theo các chuyên ngành không thuộc danh mục Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; sinh viên là người Lào Cai đang trong thời gian được tỉnh cử đi đào tạo đại học theo chế độ cử tuyển; các đối tượng đang hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo từ các chương trình, Đề án của các Bộ, ngành Trung ương, hưởng học bổng toàn phần từ nguồn tài trợ của chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế; các đối tượng đi đào tạo không thực hiện theo quy trình hướng dẫn của UBND tỉnh.

5. Người hưởng chính sách đãi ngộ phải giữ đúng vị trí việc làm theo quy định, thực hiện nhiệm vụ chuyên trách. Phụ cấp đãi ngộ được chi trả cùng kỳ lương hàng tháng, không dùng làm căn cứ để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế. Thời gian không tính hưởng phụ cấp đãi ngộ gồm thời gian nghỉ chế độ thai sản; nghỉ việc riêng không hưởng lương; thời gian đi học liên tục, nghỉ ốm, bị tạm đình chỉ công tác từ 01 tháng trở lên.

6. Không áp dụng chính sách này đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các đơn vị lực lượng vũ trang, các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo Quy định này.

7. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy định này được thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

8. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định các danh mục chuyên ngành cần thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1 **CHÍNH SÁCH THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC**

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Thu hút về làm việc tại các cơ quan, đơn vị khối Đảng, khối chính quyền, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã:

a) Những người có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ (có chuyên ngành đào tạo theo danh mục quy định của UBND tỉnh), thạc sĩ y khoa, bác sĩ CK II, bác sĩ CK I;

b) Sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo quy định tại khoản 2, Điều 4, Nghị định số 179/2024/NĐ-CP quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội;

c) Sinh viên tốt nghiệp đại học (hệ chính quy) loại giỏi trở lên tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước hoặc nước ngoài (là những cơ sở giáo dục đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận);

d) Người có bằng đại học loại khá trở lên, hệ chính quy về làm nhiệm vụ về lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số tốt nghiệp các trường: Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Công nghệ thuộc Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học FPT, Học viện Công nghệ Bưu chính-Viễn thông; tốt nghiệp loại giỏi hệ chính quy các ngành công nghệ thông tin thuộc trường Đại học khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận.

đ) Người có trình độ đại học (hệ chính quy) tốt nghiệp loại giỏi trở lên thuộc chuyên ngành ngôn ngữ hoặc sư phạm (Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc), hoặc các chuyên ngành khác thuộc lĩnh vực đối ngoại, ngoại giao về làm công chức tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; các xã, phường vùng biên giới trên địa bàn tỉnh theo các vị trí việc làm về công tác đối ngoại; hợp tác, hội nhập quốc tế, bao gồm: ngoại giao nhà nước; biên giới, lãnh thổ quốc gia; lễ tân nhà nước; hợp tác quốc tế. Người dự tuyển phải có chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 4 trở lên hoặc có chứng chỉ HSK 5 trở lên (ngoại trừ người tốt nghiệp chuyên ngành ngôn ngữ Tiếng Anh, tiếng Trung).

2. Thu hút Lĩnh vực sự nghiệp Y tế (các đơn vị sự nghiệp y tế tuyển tỉnh, khu vực, xã, phường):

a) Những người có trình độ: Tiến sĩ y khoa, Bác sĩ chuyên khoa II, thạc sĩ y khoa, Bác sĩ chuyên khoa I, bác sĩ nội trú;

b) Những người có trình độ: Tiến sĩ dược, Dược sĩ chuyên khoa II, Thạc sĩ chuyên ngành Dược;

c) Bác sĩ y khoa (bác sĩ đa khoa) được đào tạo hệ chính quy. (Không bao gồm loại hình đào tạo cử tuyển, liên thông, đào tạo theo địa chỉ).

3. Thu hút vào lĩnh vực Giáo dục và đào tạo

a) Thu hút giảng viên, giáo viên cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Người có trình độ đại học sư phạm (hệ chính quy) tốt nghiệp loại khá trở lên; trình độ Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I trở lên, đủ điều kiện để tuyển dụng, tiếp nhận vào làm giảng viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh có chuyên ngành các môn học theo Chương trình đào tạo.

Sinh viên tốt nghiệp đại học (hệ chính quy) loại khá trở lên tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước hoặc nước ngoài (là những cơ sở giáo dục đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận) thuộc các chuyên ngành cần thu hút về các cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Thu hút giáo viên phổ thông: Người có trình độ Đại học trở lên tốt nghiệp chuyên ngành Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, tin học, công nghệ thông tin và một số chuyên ngành khác trong danh mục chuyên ngành cần thu hút của tỉnh tự

nguyện về làm giáo viên tại các cơ sở giáo dục thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới của tỉnh;

c) Thu hút giáo viên cho các trường phổ thông chuyên biệt của tỉnh (gồm các trường: THPT dân tộc Nội trú tỉnh; Trường THPT Chuyên):

- Người tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên (hệ chính quy) tại Trường Đại học sư phạm Hà Nội;

- Người tốt nghiệp đại học loại khá trở lên (hệ chính quy) tại Trường Đại học sư phạm Hà Nội hoặc loại giỏi trở lên tại các trường đại học sư phạm khác, đồng thời trước đó đã từng đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi trung học phổ thông các môn văn hóa từ cấp tỉnh trở lên (môn đạt giải là chuyên ngành được đào tạo tại trường đại học sư phạm). Người dự tuyển phải có năng lực ngoại ngữ đạt bậc 3 theo khung 6 bậc của Việt Nam;

- Đối với chuyên ngành ngoại ngữ: Sinh viên tốt nghiệp đại học sư phạm ngoại ngữ hoặc đại học ngoại ngữ theo đúng chuyên ngành cần tuyển, đạt loại khá trở lên và có chứng chỉ năng lực ngoại ngữ quốc tế: Đối với Tiếng Anh đạt 7.0 điểm IELTS trở lên hoặc chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương; đối với Tiếng Trung Quốc có chứng chỉ HSK 5 trở lên;

d) Thu hút giảng viên cho Trường chính trị tỉnh

Người có học hàm, học vị Giáo sư, Phó giáo sư về lĩnh vực xây dựng Đảng, quản lý công, chính sách công.

Điều 4. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người được thu hút

1. Có bản lĩnh chính trị vững vàng; phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; lý lịch rõ ràng; có khát vọng cống hiến cho tỉnh; năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

2. Có trình độ, chuyên ngành đào tạo phù hợp với khung năng lực vị trí việc làm và được tuyển dụng theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm; người có trình độ sau đại học phải có bằng tốt nghiệp đại học loại khá, giỏi trở lên theo yêu cầu của từng lĩnh vực, chuyên ngành, vị trí thu hút.

3. Đối với người được thu hút bằng hình thức tiếp nhận không quá 50 tuổi đối với nam và không quá 45 tuổi đối với nữ; đối với người được thu hút bằng hình thức tuyển dụng không quá 35 tuổi, riêng đối tượng thu hút vào lĩnh vực y tế không quá 40 tuổi (tại thời điểm hưởng chính sách). Không áp dụng điều kiện, tiêu chuẩn này đối với người có học hàm, học vị Giáo sư và Phó giáo sư.

4. Đối với người có trình độ Đại học trở lên tốt nghiệp chuyên ngành Tiếng Anh, tin học, công nghệ thông tin và một số chuyên ngành khác trong danh mục chuyên ngành cần thu hút của tỉnh tự nguyện về làm giáo viên tại các cơ sở giáo dục thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh phải có

chúng chỉ nghiệp vụ sư phạm (trừ người tốt nghiệp Đại học sư phạm hoặc chuyên ngành đào tạo sư phạm).

5. Có chứng nhận đủ sức khỏe để làm việc được cấp bởi cơ sở y tế có thẩm quyền.

6. Có cam kết làm việc tại tỉnh Lào Cai tối thiểu 10 năm (Đối với người có học hàm, học vị Giáo sư và Phó giáo sư cam kết làm việc tại tỉnh Lào Cai tối thiểu 05 năm) và thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người được thu hút.

7. Không bị kỷ luật hoặc trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 5. Hình thức thu hút, tuyển dụng

1. Tiếp nhận đối với những người đang là cán bộ, công chức, viên chức ở ngoài tỉnh, tại thời điểm thực hiện thu hút.

2. Tuyển dụng vào công chức, viên chức theo quy định của pháp luật đối với các đối tượng chưa phải là cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 6. Mức hỗ trợ thu hút

1. Mức thu hút làm công chức, viên chức tại các cơ quan cấp tỉnh, cấp xã:

a) Tiến sĩ: 550 triệu đồng/người;

b) Thạc sĩ: 150 triệu đồng/người; riêng các nhóm ngành thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin: 180 triệu đồng/người;

c) Người có trình độ đại học (hệ chính quy) loại giỏi trở lên tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước hoặc nước ngoài có các chuyên ngành được quy định trong danh mục thu hút của UBND tỉnh: 100 triệu đồng/người;

d) Người được thu hút vào lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên được hỗ trợ 100 triệu đồng/người; tốt nghiệp loại khá được hỗ trợ 70 triệu đồng/người;

đ) Người thu hút về làm công tác đối ngoại; hợp tác, hội nhập quốc tế quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 3 thu hút về làm việc tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các xã, phường vùng biên giới: 70 triệu đồng/người;

2. Mức thu hút vào lĩnh vực sự nghiệp Y tế (có chuyên ngành theo danh mục thu hút của UBND tỉnh quy định):

a) Tiến sĩ y khoa: 550 triệu đồng/người;

b) Bác sĩ chuyên khoa II, Dược sĩ chuyên khoa II: 200 triệu đồng/người;

c) Bác sĩ nội trú: 450 triệu đồng/người;

d) Thạc sĩ y khoa, Bác sĩ chuyên khoa I: 150 triệu đồng/người;

đ) Bác sĩ y khoa (Bác sĩ đa khoa) công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập tuyển tỉnh: tốt nghiệp loại Giỏi: 120 triệu đồng/người;

e) Bác sĩ y khoa (Bác sĩ đa khoa) công tác tại Bệnh viện Đa khoa khu vực, Trung tâm Y tế khu vực: tốt nghiệp loại Giỏi: 140 triệu đồng/người; tốt nghiệp loại Khá: 100 triệu đồng/người;

g) Bác sĩ y khoa (Bác sĩ đa khoa) công tác tại các Trạm Y tế xã, phường: tốt nghiệp loại Giỏi: 160 triệu đồng/người; tốt nghiệp loại Khá: 120 triệu đồng/người; tốt nghiệp loại Trung bình, Trung bình Khá: 80 triệu đồng/người.

3. Mức thu hút vào làm giảng viên tại các cơ sở Giáo dục và đào tạo; Giáo dục và đào tạo nghề nghiệp (không bao gồm đối tượng thu hút về làm giảng viên tại Trường Chính trị tỉnh):

a) Người có học hàm giáo sư: 1.500 triệu đồng;

b) Người có học hàm phó giáo sư: 1.000 triệu đồng;

c) Người có học vị Tiến sĩ: 550 triệu đồng;

d) Bác sĩ chuyên khoa 2: 200 triệu đồng;

đ) Bác sĩ nội trú: 450 triệu đồng;

e) Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa 1, Thạc sĩ y khoa: 150 triệu đồng;

g) Người được thu hút vào các cơ sở giáo dục quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 3, Quy định này được hỗ trợ 1 lần: 60 triệu đồng/người;

h) Người được thu hút vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ 1 lần: 80 triệu đồng/người;

i) Người có trình độ Đại học sư phạm ngoại ngữ, tin học và một số chuyên ngành khác tự nguyện về công tác tại các cơ sở giáo dục thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh: 100 triệu đồng/người.

4. Mức thu hút vào làm giảng viên tại Trường Chính trị tỉnh

a) Người có học hàm giáo sư: 1.500 triệu đồng;

b) Người có học hàm phó giáo sư: 1.000 triệu đồng.

5. Sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo quy định tại khoản 2, Điều 4, Nghị định số 179/2024/NĐ-CP quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thì được hỗ trợ thêm (hỗ trợ một lần) 20% mức hỗ trợ tương ứng với từng trình độ quy định tại khoản 1, Điều này.

Điều 7. Trách nhiệm, nghĩa vụ của người được thu hút

1. Chấp hành sự phân công công tác của cấp có thẩm quyền.

2. Thời gian công tác theo cam kết tại đơn vị được thu hút, tuyển dụng tối thiểu là 120 tháng (10 năm) tính từ khi được tuyển dụng. Riêng Bác sĩ về công tác tại cơ sở y tế tuyến xã, thời gian công tác tại cơ sở y tế tuyến xã tối thiểu 05 năm. (Đối với người có học hàm, học vị Giáo sư và Phó giáo sư thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 4, Quy định này)

3. Trong thời gian thực hiện cam kết làm việc tại đơn vị thu hút, tuyển dụng, nếu người được thu hút gian lận hồ sơ, tự ý bỏ việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc; chuyển công tác đến cơ quan, đơn vị khác ngoài tỉnh; không chấp hành sự phân công công tác; kết quả công tác 02 năm liên tục có 01 năm đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ và có 01 năm đánh giá, xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ thì phải chịu trách nhiệm bồi hoàn gấp 02 lần kinh phí thu hút đã được nhận.

Mục 2

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

Điều 8. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức được cử đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài phù hợp với vị trí việc làm.

2. Viên chức ngành giáo dục và đào tạo được cử đi đào tạo sau đại học ở trong và ngoài nước phù hợp với chuyên ngành đào tạo ở bậc đại học (hoặc bậc sau đại học) và vị trí việc làm.

3. Viên chức ngành Y được cử đi đào tạo sau đại học ở trong và ngoài nước theo các nhóm ngành, chuyên ngành hỗ trợ đào tạo, bao gồm các trình độ: tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa II, chuyên khoa I, Thạc sĩ.

4. Viên chức ngành Y được cử đi đào tạo bác sĩ nội trú ở trong nước.

5. Viên chức Trường chính trị tỉnh được cử đi đào tạo tiến sĩ ở trong nước. (Bao gồm cả các đối tượng đã được cấp có thẩm quyền quyết định cử đi đào tạo tiến sĩ theo Đề án 06-ĐA/TU ngày 30/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tỉnh Lào Cai về xây dựng, phát triển Trường Chính trị tỉnh Lào Cai đạt chuẩn mức 2, nhiệm vụ giải pháp giai đoạn 2026-2030).

6. Sinh viên đại học y khoa chính quy của các cơ sở giáo dục đại học công lập đào tạo chuyên ngành y khoa; sinh viên đã tốt nghiệp đại học y khoa trúng tuyển đào tạo Bác sĩ nội trú đăng ký về tỉnh công tác sau khi tốt nghiệp được hỗ trợ đào tạo theo hình thức hợp đồng thỏa thuận.

7. Học sinh các Trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú và các trường Trung học phổ thông ở các vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng

biên giới trên địa bàn tỉnh Lào Cai thi đỗ đại học chuyên ngành sư phạm tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, đại học nhóm ngành công nghệ thông tin đăng ký về tỉnh Lào Cai công tác sau khi tốt nghiệp (tạo nguồn giáo viên tiếng Anh, tiếng Trung Quốc; tạo nguồn công chức, viên chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin, chuyển đổi số).

8. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; Đại biểu HĐND cấp xã không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cử tham gia các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức bổ trợ khác; quần chúng ưu tú ở thôn, tổ dân phố tham gia bồi dưỡng đối tượng Đảng, đảng viên mới.

Điều 9. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với viên chức được cử đi đào tạo sau đại học, hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 6, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; có chuyên ngành đào tạo cùng ngành đào tạo ở bậc đại học hoặc bậc sau đại học quy định tại danh mục chuyên ngành hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng; đối với viên chức được cử đi đào tạo thạc sĩ, chuyên khoa I phải có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên.

2. Đối với Bác sĩ nội trú:

a) Trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận trong thời gian đang học bác sĩ nội trú được tạo điều kiện tiếp tục tham gia khóa đào tạo và cam kết sau khi hoàn thành chương trình đào tạo phải thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại cơ quan, đơn vị y tế công lập của tỉnh Lào Cai trong thời gian ít nhất 02 lần thời gian đào tạo bác sĩ nội trú;

b) Sinh viên trúng tuyển hoặc đang học bác sĩ nội trú đăng ký hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh phải cam kết sau khi hoàn thành chương trình đào tạo phải về làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Kể từ ngày được tuyển dụng phải thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại cơ quan, đơn vị y tế công lập của tỉnh Lào Cai theo sự phân công, điều động của cấp có thẩm quyền trong thời gian ít nhất 02 lần thời gian đào tạo.

3. Viên chức được hưởng hỗ trợ tại khoản 5, Điều 8 thì không được hưởng hỗ trợ quy định tại khoản 2, Điều 8 Quy định này.

4. Sinh viên y khoa, sư phạm, công nghệ thông tin đăng ký hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh phải có cam kết sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trở về phục vụ công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh Lào Cai tối thiểu 10 năm.

5. Đối tượng được quy định tại khoản 7, Điều 8, Quy định này không bao gồm đối tượng cử tuyển và đối tượng được hưởng hỗ trợ sinh hoạt phí theo quy

định tại điểm b, khoản 1, Điều 4, Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm.

Điều 10. Mức hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

1. Mức hỗ trợ đào tạo sau đại học ở trong nước đối với viên chức

a) Đào tạo trình độ tiến sĩ: 200 triệu đồng (riêng viên chức nữ hoặc người dân tộc thiểu số 220 triệu đồng);

b) Đào tạo trình độ thạc sĩ: 50 triệu đồng (riêng viên chức nữ hoặc người dân tộc thiểu số 55 triệu đồng);

c) Đào tạo trình độ Bác sĩ chuyên khoa 2: 110 triệu đồng (riêng viên chức nữ hoặc người dân tộc thiểu số 120 triệu đồng);

d) Đào tạo trình độ thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa 1: 80 triệu đồng (Riêng viên chức nữ hoặc người dân tộc thiểu số 85 triệu đồng);

đ) Đào tạo bác sĩ nội trú: 200 triệu đồng/người đồng (riêng viên chức nữ hoặc người dân tộc thiểu số 210 triệu đồng);

e) Đối với viên chức Trường Chính trị tỉnh đi đào tạo tiến sĩ: 300 triệu đồng/người (riêng viên chức nữ hoặc người dân tộc thiểu số 330 triệu đồng/người).

2. Mức hỗ trợ đào tạo sau đại học ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức

a) Đào tạo trình độ tiến sĩ: 1.000 triệu đồng (riêng cán bộ, công chức, viên chức nữ hoặc người dân tộc thiểu số 1.100 triệu đồng);

b) Đào tạo trình độ Thạc sĩ: 500 triệu đồng (riêng cán bộ, công chức, viên chức nữ hoặc người dân tộc thiểu số 550 triệu đồng);

c) Nếu có học bổng một phần thì được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ từng trình độ theo điểm a, điểm b khoản này. Nếu có học bổng toàn phần thì không nhận hỗ trợ theo điểm a, điểm b khoản này.

3. Mức hỗ trợ sinh viên trúng tuyển hoặc đang đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú cam kết về tỉnh công tác: 350 triệu đồng/người. (Ngân sách tỉnh 200 triệu đồng; cơ quan, đơn vị tiếp nhận 150 triệu đồng)

4. Mức hỗ trợ sinh viên đại học y khoa, đại học sư phạm, đại học công nghệ thông tin (quy định tại khoản 6, khoản 7, Điều 8) cam kết về tỉnh công tác:

a) Hỗ trợ 100% học phí theo quy định của cơ sở đào tạo tính từ năm học sinh viên bắt đầu đăng ký;

b) Tiền sinh hoạt phí hàng tháng tùy theo năm học và học lực, cụ thể: Năm học thứ nhất: 3 triệu đồng/tháng; từ năm học thứ hai hỗ trợ tùy theo học lực: Học lực xuất sắc: 4,5 triệu đồng/tháng; Học lực giỏi: 4 triệu đồng/tháng; Học lực khá: 3,8 triệu đồng/tháng; Học lực trung bình khá/trung bình: 3,63 triệu đồng/tháng;

c) Thời gian hỗ trợ: Tối đa 10 tháng/năm học. Số năm hỗ trợ tối đa (tính từ thời điểm trúng tuyển đại học) đối với sinh viên đại học y khoa: 06 năm (tương đương 60 tháng); đối với sinh viên đại học công nghệ thông tin: 05 năm (tương đương 50 tháng); đối với sinh viên đại học sư phạm: 04 năm (tương đương 40 tháng). Thời điểm hưởng hỗ trợ tính từ đầu năm học khi ký cam kết về tình công tác. Đối với các trường hợp có thông báo của cơ sở đào tạo về kết quả học tập kém hoặc kỳ học gần nhất không có bảng điểm do còn nợ môn sẽ tạm dừng hỗ trợ cho đến khi cải thiện kết quả học tập hoặc được cơ sở đào tạo công nhận kết quả học tập.

5. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, Đại biểu HĐND cấp xã không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cử tham gia các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức bổ trợ khác; quần chúng ưu tú ở thôn, tổ dân phố tham gia bồi dưỡng đối tượng Đảng, đảng viên mới được hỗ trợ:

a) Tiền ăn 80.000 đồng/người/ngày;

b) Tiền nghỉ (nếu cơ sở đào tạo, bồi dưỡng không bố trí được chỗ nghỉ) 150.000 đồng/người/ngày. Điều kiện hưởng: Đối với vùng núi từ 10km trở lên; đối với vùng đồng bằng từ 15km trở lên.

c) Tiền đi lại 01 lượt đi, về theo giá thực tế.

Điều 11. Trách nhiệm, nghĩa vụ của người được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

1. Chấp hành tốt nội quy, quy chế và chịu sự quản lý của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tham gia khóa học và phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ học tập.

2. Sau khi kết thúc khóa học, phải báo cáo kết quả học tập với cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng, quản lý đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để quản lý, theo dõi; thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ đã cam kết; chấp hành sự phân công, bố trí công tác của cấp có thẩm quyền và của cơ quan, đơn vị.

3. Cán bộ, công chức, viên chức đi học theo chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh mà không hoàn thành chương trình, nội dung khóa học; không được công nhận kết quả học tập; không thực hiện đúng nội dung cam kết sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật đối với cán bộ, công chức, viên chức và phải đền bù chi phí đào tạo theo quy định tại Điều 7, Nghị định số 171/2025/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng công chức hoặc Điều 8, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP quy định đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hoặc đền bù chi phí đào tạo theo hợp đồng hỗ trợ đào tạo.

4. Sinh viên được hỗ trợ đào tạo theo hình thức hợp đồng thỏa thuận phải đền bù số tiền gấp 03 lần chi phí hỗ trợ đào tạo đã được hưởng khi thuộc một trong các trường hợp:

- a) Tự ý bỏ học hoặc bị cho thôi học trong thời gian đào tạo;
- b) Đã hoàn thành chương trình đào tạo nhưng không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp;
- c) Đã hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp văn bằng tốt nghiệp nhưng không đăng ký tham gia tuyển dụng hoặc đăng ký tham gia nhưng không trúng tuyển tại 02 kỳ tuyển dụng gần nhất của tỉnh Lào Cai;
- d) Được tuyển dụng nhưng tự ý thôi việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết quy định tại khoản 4, Điều 9 Quy định này;
- đ) Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đền bù chi phí đào tạo của cơ quan có thẩm quyền, đối tượng phải nộp trả kinh phí đầy đủ. Nếu không hoàn trả đầy đủ thì bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Mục 3

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC KHU VỰC NÔNG THÔN, VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Điều 12. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ cho các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn tỉnh (đối với đào tạo cao đẳng, trung cấp) để đào tạo nghề, không hỗ trợ trực tiếp cho người học nghề.
2. Người học nghề chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất theo hình thức đào tạo nghề (đào tạo nghề trung cấp hoặc cao đẳng) tại quy định này hoặc chính sách hỗ trợ đào tạo nghề của Trung ương, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề khác (nếu có).
3. Ưu tiên người học nghề tham gia học nghề theo hợp đồng đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với doanh nghiệp để gắn với giải quyết việc làm đầu ra sau đào tạo (hỗ trợ doanh nghiệp thông qua cơ sở đào tạo để tuyển dụng được lao động đáp ứng yêu cầu sử dụng).
4. Không bao gồm các đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; chính sách nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

Điều 13. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ

Người lao động, học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tốt nghiệp trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo, công dân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an tham gia học nghề thuộc các nhóm ngành nghề phi nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ đào tạo nghề phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Lào Cai.
2. Đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đối với các nhóm ngành nghề tại danh mục được UBND tỉnh quy định.

Điều 14. Mức hỗ trợ

1. Đối tượng theo quy định tại Điều 13, Quy định này được hưởng mức hỗ trợ học phí trình độ trung cấp: Bằng 70% mức thu học phí theo chuyên ngành đào tạo của các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành, thời gian được hỗ trợ bằng số tháng thực tế học chương trình giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá 20 tháng/khóa học.

2. Đối tượng theo quy định tại Điều 13, Quy định này được hưởng mức hỗ trợ học phí trình độ cao đẳng: Bằng 70% mức thu học phí theo chuyên ngành đào tạo của các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành, thời gian được hỗ trợ bằng số tháng thực tế học chương trình giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá 30 tháng/khóa học.

Mục 4

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH VÀ TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG PHƯỜNG, XÃ

Điều 15. Chính sách đãi ngộ đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công phường, xã

Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công phường, xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai được hỗ trợ trang bị quần áo đồng phục: Mỗi năm 02 bộ Xuân - Hè và 01 bộ Thu - Đông. Mức kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 04 triệu đồng/người/năm. Đối với những đơn vị có quy định trang phục riêng thì thực hiện theo quy định của ngành.

Mục 5
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHO
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC BIỆT PHÁI, LUÂN CHUYỂN

Điều 16. Đối tượng thụ hưởng chính sách

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh khi được cấp có thẩm quyền biệt phái, luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị cấp xã; (theo kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành).

2. Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được cấp có thẩm quyền biệt phái đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (theo kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành).

Điều 17. Điều kiện được hưởng chính sách

Đối tượng quy định tại Điều 16 Nghị quyết này được hưởng chính sách này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Được cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định biệt phái, luân chuyển.
2. Khoảng cách từ nơi thường trú (theo thực tế) đến trụ sở cơ quan công tác mới từ 25 km trở lên. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi biệt phái đến có trách nhiệm và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định khoảng cách này.

Điều 18. Các chính sách hỗ trợ biệt phái, luân chuyển

1. Hỗ trợ thuê nhà ở: Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức biệt phái, luân chuyển mà cơ quan, địa phương nơi chuyển đến chưa có hoặc không bố trí được nhà ở công vụ thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở hằng tháng cho đến khi cán bộ được bố trí nhà ở công vụ, cụ thể như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức được biệt phái, luân chuyển đến các phường trong tỉnh được hỗ trợ 1.000.000 đồng/tháng;

b) Cán bộ, công chức, viên chức được biệt phái, luân chuyển đến các xã trong tỉnh được hỗ trợ 800.000 đồng/tháng.

2. Hỗ trợ tiền đi lại

Cán bộ, công chức, viên chức biệt phái, luân chuyển được hỗ trợ tiền đi lại hằng tháng theo khoảng cách từ nơi thường trú (theo thực tế) đến trụ sở cơ quan công tác, trừ trường hợp có xe đưa đón như sau:

a) Từ 25 km đến dưới 50 km: 600.000 đồng/người/tháng;

b) Từ 50 km đến dưới 100 km: 900.000 đồng/người/tháng;

c) Từ 100 km trở lên: 1.200.000 đồng/người/tháng.

d) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, biệt phái đến cơ quan công tác mới, nhưng đã có nhà ở của gia đình tại địa phương được luân chuyển, biệt phái đến thì không được hưởng chính sách hỗ trợ thuê nhà ở, tiền đi lại.

3. Hỗ trợ sinh hoạt phí

a) Cán bộ, công chức, viên chức biệt phái, luân chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tiền sinh hoạt phí hằng tháng. Mức hỗ trợ bằng mức tiền phụ cấp khu vực của nơi được biệt phái, luân chuyển đến;

b) Cán bộ, công chức, viên chức nữ được cấp có thẩm quyền quyết định biệt phái, luân chuyển được hỗ trợ thêm 50% của mức hỗ trợ sinh hoạt phí quy định tại khoản a Điều này.

Điều 19. Thời gian không được tính hưởng các chính sách hỗ trợ

1. Thời gian đi công tác, làm việc, học tập từ 01 tháng trở lên;
2. Thời gian nghỉ việc không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên (trừ trường hợp ốm đau);
3. Thời gian bị tạm đình chỉ công tác do vi phạm pháp luật.

Điều 20. Thời gian hưởng chính sách hỗ trợ

1. Cán bộ, công chức, viên chức được hưởng các chính sách hỗ trợ kể từ ngày có quyết định biệt phái, luân chuyển cho đến hết thời hạn biệt phái, luân chuyển.
2. Cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, biệt phái trước ngày chính sách này có hiệu lực và hiện vẫn đang công tác tại cơ quan, địa phương được luân chuyển, biệt phái đến thì được hưởng chính sách hỗ trợ cho thời gian còn lại tính từ khi Quy định này có hiệu lực đến khi hết thời hạn biệt phái, luân chuyển.

Mục 6

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030 từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên đang được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo Nghị quyết số

12/2021/NQ-HĐND quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021 - 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 135/2024/NQ-HĐND; Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021 - 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực mà chưa hoàn thành khóa học hoặc nhận bằng tốt nghiệp thì tiếp tục hưởng mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung.

Điều 23. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.